



# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

**22/12/2025 – 26/12/2025**

**Khối Nghiên cứu**



**MBS Head Office**  
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam  
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601  
Web: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)




















## Hiệu Ứng Ông Già Noel – Tích Lũy Trước Lễ, Đón Quà Cuối Năm

- **Thị trường chứng khoán thế giới điều chỉnh giảm** trong tuần vừa qua, áp lực giảm mạnh đến từ các thị trường khu vực Châu Á bất chấp phiên phục hồi cuối tuần. Thị trường Hàn Quốc giảm mạnh -3,5%, Nhật Bản sụt -2,6%, nhưng kể từ đầu năm Hàn Quốc và Nhật Bản vẫn tăng lần lượt + 67,6% và +24%. Ở thị trường Mỹ, S&P 500 ghi nhận mức tăng 0,1% và Nasdaq tăng 0,5%, trong khi Dow Jones giảm 0,7% cả tuần. Sau một thời gian bị hoãn do Chính phủ Mỹ đóng cửa, báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11 cuối cùng cũng được Bộ Lao động nước này công bố. Theo báo cáo, CPI Mỹ tăng 2,7% trong tháng 11 so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn nhiều so với mức dự báo tăng 3,1% mà các nhà kinh tế đưa ra trong một cuộc khảo sát của hãng tin Reuters. CPI lõi - thước đo không bao gồm giá năng lượng và thực phẩm - tăng 2,6% so với cùng kỳ năm ngoái, cũng thấp hơn so với con số dự báo là tăng 3%. Dù vậy, một báo cáo lạm phát yếu hơn kỳ vọng giúp thị trường củng cố khả năng Fed hạ lãi suất trong năm 2026. **Hiện tại, thị trường đang đặt cược khả năng Fed có hai lần hạ lãi suất trong năm tới, và khả năng Fed có động thái nới lỏng trong cuộc họp tháng 1 cũng tăng nhẹ. Theo dự báo của giới phân tích, ECB sẽ tiếp tục giữ nguyên lãi suất trong thời gian tới, còn BOE có thể chỉ giảm lãi suất thêm 1-2 lần trong năm 2026..**
- **Trên thị trường hàng hóa:** Giá vàng thế giới tăng nhẹ trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (19/12) nhờ kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục hạ lãi suất trong năm 2026, hoàn tất một tuần đi lên. Giá bạc tăng mạnh hơn, thiết lập kỷ lục mới, nhờ nhu cầu đầu tư lớn và tình trạng thắt chặt nguồn cung trên toàn cầu. Năm nay, giá bạc đã tăng 132%, vượt xa mức tăng 65% của giá vàng. Ngoài nhu cầu lớn của giới đầu tư, giá bạc còn được hỗ trợ bởi tình trạng khan hiếm nguồn cung bạc
- **Đối với thị trường trong nước:** Chỉ số Vn-Index phục hồi, lấy lại ½ số điểm đã mất ở tuần giảm trước đó bất chấp nền thanh khoản thấp. Chốt tuần, thị trường dừng ở 1.704,31 điểm, tăng +57,42 điểm (+3,49%) so với tuần trước. Đây là tuần có sự kiện đảo hạn phái sinh và các quỹ ETF tái cơ cấu danh mục nên nhóm Vn30 chỉ có mức tăng mạnh nhất +3,55%, tiếp theo là nhóm Midcap (+3,35%), trong khi nhóm Smallcap chỉ có mức tăng nhẹ +0,81%. Nhóm Vingorup đóng góp +20 điểm trong tổng mức tăng +57 điểm của Vn-Index trong tuần vừa qua. Độ rộng thị trường ghi nhận một tuần tăng trên diện rộng với các nhóm cổ phiếu nổi bật như: Dầu khí (+7,2%), Chứng khoán (+6,3%), Vingroup (+4,8%), ... trong khi nhóm cổ phiếu tiếp tục suy yếu chỉ còn: Hóa chất (-9%) chủ yếu do cổ phiếu DGC giảm -23,7%.
- **Thanh khoản toàn thị trường** tuần vừa qua còn 23.272 tỷ đồng, giảm -5,2% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -7,9% xuống 18.977 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 12 giảm -3% so với tháng 11, nhưng vẫn cao hơn +48,6% so với cùng kỳ, đạt 24.531 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 28.782 tỷ đồng, tăng +30,4% so với mức bình quân năm 2024.
- **Khối ngoại mua ròng** +192 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -138.471 tỷ đồng, vượt kỷ lục bán ròng năm ngoái (-92.600 tỷ đồng). Tuần vừa qua, khối ngoại mua ròng đối với: HPG (+489 tỷ đồng), TCX (+430 tỷ đồng), SSI (+412 tỷ đồng), trong khi bán ròng VIC (-1.536 tỷ đồng), DGC (-834 tỷ đồng), DXS (-455 tỷ đồng), ... Tự doanh các công ty chứng khoán tuần vừa qua mua ròng đối với các cổ phiếu như: CTG (+99 tỷ đồng), VIX (+72 tỷ đồng), MBB (+60 tỷ đồng), ... trong khi bán ròng đối với các cổ phiếu khác như: HPG (-96 tỷ đồng), VIC (-57 tỷ đồng), VCB (-37 tỷ đồng).

## Hiệu Ứng Ông Già Noel – Tích Lũy Trước Lễ, Đón Quà Cuối Năm

- **Nhận định thị trường:** Thị trường chỉ còn 8 phiên giao dịch nữa là khép lại năm tài chính 2025, theo thống kê giai đoạn cuối năm thường xuất hiện đợt tăng ông già Noel. Đây là chuỗi giao dịch gồm 7 phiên (5 phiên cuối tháng 12 năm trước và 2 phiên đầu năm sau). Theo thống kê, chỉ số Vn-Index có xác suất tăng trên 73% trong vòng 10 năm vừa qua với mức tăng bình quân gần +1%. Các động lực giúp thị trường thường khởi sắc vào cuối năm tác động đến tâm lý và dòng tiền như: 1) Chốt NAV quỹ: Các quỹ đầu tư thường đẩy mạnh mua vào để "làm đẹp" báo cáo tài sản ròng (NAV) cuối năm. 2) Tâm lý năm mới: Sự lạc quan về một khởi đầu mới và kỳ vọng vào các chính sách kinh tế đầu năm. 3) Áp lực Margin: Ngược lại, áp lực thu hồi nợ margin từ các công ty chứng khoán có thể gây rung lắc trước khi tăng. Và 4) Kỳ vọng mùa thu nhập cuối năm: Nhà đầu tư đón đầu báo cáo kết quả kinh doanh Quý 4 thường được công bố vào tháng 1. Chúng tôi cho rằng, các yếu tố ngắn hạn kìm hãm thị trường trong ngắn hạn đã qua đi (như đảo hạn phái sinh, ETF tái cơ cấu danh mục hay tỷ giá và lãi suất huy động nhích tăng theo mùa vụ), thị trường hướng đến nhịp tăng vào giai đoạn cuối năm bắt đầu vào nửa cuối tuần sau. Nhà đầu tư được khuyến nghị: Tận dụng các nhịp rung lắc trước lễ Giáng sinh để tích lũy cổ phiếu, Tập trung vào nhóm Bán lẻ (nhu cầu mua sắm) và Ngân hàng (tín dụng cuối năm, bên cạnh đó Thận trọng với việc sử dụng Margin cao qua kỳ nghỉ lễ dài ngày. Một số thông tin khác cần lưu ý:
- **Về các biến số vĩ mô:** Lãi suất liên ngân hàng giảm 2,9 điểm phần trăm sau giai đoạn tăng nóng. Thủ tướng chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế: Báo cáo đề xuất thành lập Sàn giao dịch vàng quốc gia trước ngày 20/12/2025, Thí điểm thị trường tài sản mã hóa, đẩy nhanh giải ngân đầu tư công, Ổn định thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp và tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh. Ngày 19/12, cả nước đồng loạt tổ chức lễ khởi công, khánh thành và thông xe kỹ thuật 234 công trình, dự án lớn với tổng mức đầu tư kỷ lục chưa từng có: 3,4 triệu tỷ đồng (tương đương 136 tỷ USD) bao gồm: Khánh thành Dự án sân bay Long Thành giai đoạn 1, Khu đô thị thể thao Olympic Hà Nội, Lễ khánh thành Bệnh viện Bạch Mai cơ sở 2 và Bệnh viện Việt Đức cơ sở 2, Dự án Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Dự án Trục đại lộ cảnh quan sông Hồng, Dự án metro Bến Thành - Cần Giờ, Dự án đầu tư cải tạo chỉnh trang, tái thiết công viên tuyến hai bên sông Tô Lịch, Tuyến tàu điện nhẹ LRT tại Phú Quốc, Dự án ray đường sắt và thép đặc biệt, Dự án cao tốc Tân Phú – Bảo Lộc.
- **Về các nhóm ngành và cổ phiếu:** Trong giai đoạn tăng ông già Noel, các nhóm cổ phiếu có mức tăng nổi bật gồm: Bán lẻ, Ngân hàng, chứng khoán, Bất động sản và thép. Với ngành tiêu dùng bán lẻ, chúng tôi kỳ vọng với nhiều điều kiện vĩ mô thuận lợi, cùng sự chuyển dịch chính sách hỗ trợ thu nhập sẽ tạo động lực phục hồi khả quan cho sự tự tin tiêu dùng, chỉ tiêu thiết yếu hàng ngày. Danh mục đầu tư ngành bán lẻ, tiêu dùng năm nay có: MWG, MSN và VNM. Đối với ngành ngân hàng: Chúng tôi kỳ vọng chính sách tiền tệ tiếp tục theo hướng hỗ trợ linh hoạt, giúp tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2026 có thể đạt khoảng 20%. Định giá ngành ngân hàng đã giảm về mức 1.5x, sau khi điều chỉnh giảm 19% từ mức đỉnh vào cuối T8/2025, và hiện thấp hơn 11% so với P/B trung bình 5 năm. Ngoài 2 nhóm cổ phiếu được hưởng lợi như trên, chúng tôi cũng chú ý đến nhóm cổ phiếu đang có mức chiết khấu hấp dẫn như: Chứng khoán hoặc nhóm cổ phiếu đang có mức tăng khá tốt như: Dầu khí và Vingroup..
- **Chiến lược giao dịch:** Chỉ số Vn-Index dao động trong biên 1.600 – 1.700 điểm gần 4 tháng. Nhờ 2 phiên tăng khá mạnh ở tuần vừa qua, chỉ số Vn-Index đã lấy lại ngưỡng 1.700 điểm và nằm trên tất cả các đường trung bình hay được quan sát từ MA20, MA50, MA100 và MA200. Dù chỉ số đã vượt ngưỡng 1.700 điểm nhưng vẫn còn rất nhiều nhóm cổ phiếu vẫn nằm dưới ngưỡng 1.600 điểm như: chứng khoán, bất động sản, ... tức ở lần trở lại ngưỡng 1.700 lần này, tài khoản đa phần của nhà đầu tư ở trạng thái thua lỗ. Trong ngắn hạn, với biên lợi nhuận khá tích cực trong tuần hồi phục vừa qua, các nhịp rung lắc hoặc kiểm định lại vùng 1.680 điểm sẽ không đáng ngại, nhà đầu tư nên tận dụng để cơ cấu hoặc mở thêm vị thế mới. Chỉ số Vn-Index được kỳ vọng mở rộng đà tăng hướng đến khu vực 1.720 -1.740 điểm, trong khi vùng hỗ trợ ở khu vực 1.670 – 1.680 điểm.

# LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 12

MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT	SUN
<p>1 </p> <p>Chỉ số PMI sản xuất (tháng 11)</p>	<p>2 </p> <p>Chỉ số giá tiêu dùng CPI (tháng 11)</p>	<p>3 </p> <p>Thay đổi việc làm phi nông nghiệp (tháng 11)</p>	<p>4 </p> <p>Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu</p>	<p>5 </p> <p>Chỉ số giá PCE lõi (tháng 9)</p>	6	7
<p>8 </p> <p>Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội (tháng 11)</p>	<p>9 </p> <p>Dữ liệu cơ hội việc làm JOLTS (tháng 9)</p>	<p>10 </p> <p>Chỉ số giá tiêu dùng CPI (tháng 10)</p>	<p>11 </p> <p>Quyết định lãi suất của Fed</p>	<p></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng trưởng GDP sơ bộ (tháng 10)</li> <li>VanEck công bố danh mục mới</li> </ul>	13	14
<p>15 </p> <p>Sản lượng công nghiệp (tháng 10)</p>	<p>16 </p> <p>Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 11)</p>	<p>17 </p> <p>Doanh số bán lẻ (tháng 10)</p>	<p>18 </p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ số giá tiêu dùng CPI (tháng 11)</li> <li>Đáo hạn phái sinh</li> </ul>	<p></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Doanh số bán nhà hiện tại (tháng 11)</li> <li>ETF: Tái cơ cấu danh mục</li> <li>Khởi công 234 công trình trọng điểm</li> </ul>	20	21
<p>22 </p> <p>Tăng trưởng GDP (Q3)</p>	<p>23 </p> <p>Tăng trưởng GDP (Q3)</p>	<p>24 </p> <p>Đơn đặt hàng hóa lâu bền sơ bộ (tháng 10)</p>	25	26	27	28
29	30	<p>31 </p> <p>Biên bản họp Fed</p>				

## Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 12 2025

STT	Cổ phiếu	Vốn hóa (Tỷ VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2025	P/E 2025	P/B 2025	Luận điểm đầu tư
1	CTG	262,324	69,700	42.2%	29.0%	8.0	1.5	Hưởng lợi từ việc đẩy mạnh đầu tư công nửa cuối năm 2025 nhằm hoàn thành kế hoạch cả năm. NIM được duy trì tốt hơn so với các ngân hàng tư nhân nhờ chi phí vốn thấp hơn. Chi phí dự phòng cao của năm trước tạo ra tiềm năng lớn cho tăng trưởng lợi nhuận 2025.
2	ACB	125,078	33,400	37.7%	2.3%	7.6	1.4	Tín dụng SME và bán lẻ phục hồi mạnh hơn trong năm 2026, hỗ trợ biên lãi ròng (NIM) hồi phục. Chất lượng tài sản vượt trội giúp duy trì chi phí tín dụng ở mức thấp. Định giá hấp dẫn so với các doanh nghiệp cùng ngành.
3	VGC	20,086	57,900	31.6%	-1.0%	18.3	2.0	Chúng tôi kỳ vọng mảng khu công nghiệp sẽ hồi phục từ 2026, được hỗ trợ bởi mức thuế đối ứng cuối cùng thấp hơn trước đây, quanh 20%. VGC hiện sở hữu quỹ đất thương phẩm lớn, với khoảng 1.200 ha còn lại. Chúng tôi cho rằng kế hoạch thoái vốn của Bộ Xây dựng có thể được triển khai trong thời gian tới, nhiều khả năng ở mức giá cao hơn thị giá hiện tại.
4	VRE	76,464	42,000	22.6%	59.0%	12.0	1.6	VRE dự kiến ghi nhận khoản lợi nhuận đột biến khoảng 1.900 tỷ đồng từ thương vụ bán Vincom NCT trong quý 4/2025, qua đó giúp lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ cả năm ước đạt 6.516 tỷ đồng (+59% so với cùng kỳ). Sang năm 2026, công ty sẽ khai trương Vincom Plaza Đan Phượng, dự kiến bổ sung thêm khoảng 90.000 m <sup>2</sup> diện tích sàn bán lẻ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận của VRE.
5	PDR	22,046	27,900	24.0%	219.2%	43.8	1.7	Dòng tiền được cải thiện nhờ kỳ vọng thu về từ việc thoái vốn tại Thuận An 1 & 2 trong 2H25 và 2026, cùng với thoái vốn tại Serenity Phước Hải trong 2026. Tăng trưởng LNST cổ đông công ty mẹ dự kiến được dẫn dắt bởi hoạt động kinh doanh cốt lõi, thay vì thu nhập tài chính như giai đoạn 2021–2024. PDR đang tích cực tìm kiếm cơ hội mở rộng quỹ đất thông qua M&A (giao dịch gần nhất vào tháng 11/2025: M&A dự án Cách Mạng Tháng 8 – từng do PDR phát triển và sau đó thoái vốn). Công ty cũng đã được chấp thuận thực hiện 2 dự án tại Phước Hòa & Tương Bình Hiệp theo Nghị quyết 171/2024/QH15.
6	BSR	77,613	19,500	25.8	443.4%	22.6	1.4	BSR tiếp tục nâng công suất vận hành của nhà máy (hướng đến mức bình quân năm 123%–125% so với công suất thiết kế), qua đó gia tăng sản lượng. Mức crack spread — đặc biệt là crack xăng — được kỳ vọng hồi phục nhẹ, tạo điều kiện thuận lợi để BSR ghi nhận lợi nhuận tích cực trong Quý 4/2025.

## Danh mục cổ phiếu tiêu biểu - Tháng 12 2025

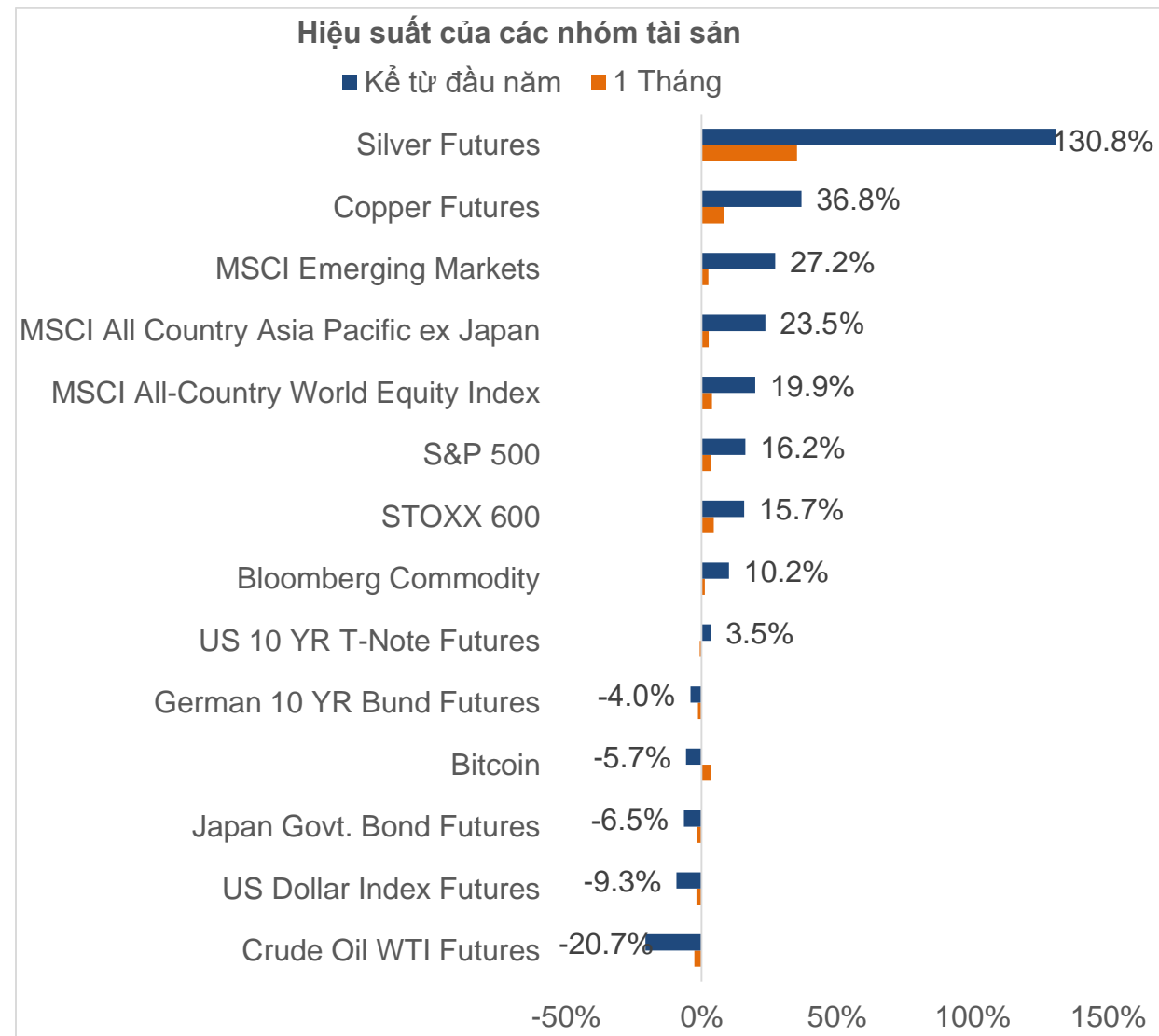
STT	Cổ phiếu	Vốn hóa (Tỷ VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá	Tăng trưởng LN 2025	P/E 2025	P/B 2025	Luận điểm đầu tư
7	PVD	14,397	28,700	7.5%	44.7%	16.6	0.9	Giàn khoan PVD VIII chốt được hợp đồng với mức giá cao hơn kỳ vọng sẽ tạo thêm dư địa tăng trưởng cho Quý 4/2025. Bên cạnh đó, mảng dịch vụ giếng khoan được dự báo duy trì tích cực nhờ hoạt động bảo dưỡng, thử vỉa và khảo sát được đẩy mạnh tại các mỏ trong nước hiện hữu.
8	MSN	113,504	109,000	40.8	87.8%	31.6	2.7	Năm 2025, MCH chịu tác động tiêu cực từ (1) nhu cầu tiêu dùng suy yếu và (2) sự thay đổi trong hệ thống phân phối bán lẻ của kênh truyền thống. Do đó, doanh thu của MCH được ước tính giảm nhẹ 3% yoy, xuống 30.058 tỷ đồng. Trong khi đó, WCM tiếp tục tăng trưởng vững, chủ yếu nhờ mở rộng mạnh hệ thống cửa hàng; MML tăng tỷ trọng thị phần thông qua sản phẩm mới và mở rộng độ phủ trong mạng lưới bán lẻ hiện đại của WCM; còn MHT hưởng lợi từ giá kim loại thế giới duy trì ở mức cao và lập đỉnh mới. Cùng với đóng góp thu nhập tích cực từ TCB, lợi nhuận ròng của MSN năm 2025 được dự báo tăng 88% yoy. Giai đoạn 2026–2027, khi hệ thống bán lẻ mới đi vào ổn định và nhu cầu tiêu dùng hồi phục, MCH được kỳ vọng quay lại quỹ đạo tăng trưởng. Đồng thời, chúng tôi dự phóng WCM mở thêm khoảng 900 cửa hàng/năm, tập trung mạnh vào miền Bắc – miền Trung, tương ứng tăng trưởng số lượng cửa hàng khoảng 16%/năm. Bên cạnh đó, PLH, MML và MSR được kỳ vọng duy trì tăng trưởng hai chữ số. Tổng hợp các mảng kinh doanh cốt lõi cùng thu nhập từ TCB, lợi nhuận ròng của MSN giai đoạn 2026–2027 được dự báo tăng lần lượt 46% và 26% yoy.
9	HDG	11,913	40,600	27.9%	96.0%	20.2	1.8	Sản lượng thủy điện được kỳ vọng duy trì mạnh trong Quý 4, được hỗ trợ bởi sự quay lại của La Niña và mưa lớn xuất hiện thường xuyên tại khu vực miền Trung. Yếu tố này sẽ tạo cú hích lớn cho tăng trưởng lợi nhuận, đặc biệt khi nền so sánh năm trước ở mức thấp. Tiến độ bàn giao Charm Villa Giai đoạn 3 trong Quý 4 thấp hơn kỳ vọng, đẩy phần lớn tăng trưởng sang năm 2026F. Giá bán đã được điều chỉnh tăng lên 250–270 triệu đồng/m <sup>2</sup> , với mục tiêu mang về khoảng 1.700 tỷ đồng doanh thu cho năm 2026.
10	FPT	164,499	124,000	27.7%	19.2%	17.8	3.8	Tính đến tháng 10/2025, backlog mảng phần mềm của FPT tăng 21,5% YoY, củng cố kỳ vọng về triển vọng khởi sắc hơn trong năm 2026. Chúng tôi cho rằng FPT đang bước vào điểm đảo chiều ở các mảng kinh doanh cốt lõi sau nửa đầu năm nhiều thách thức. P/E 2025 hiện tại ở mức 17.8x, mang lại dư địa tăng giá đáng kể trong khi rủi ro giảm giá tương đối thấp. Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm tích cực trong dài hạn đối với triển vọng của FPT.

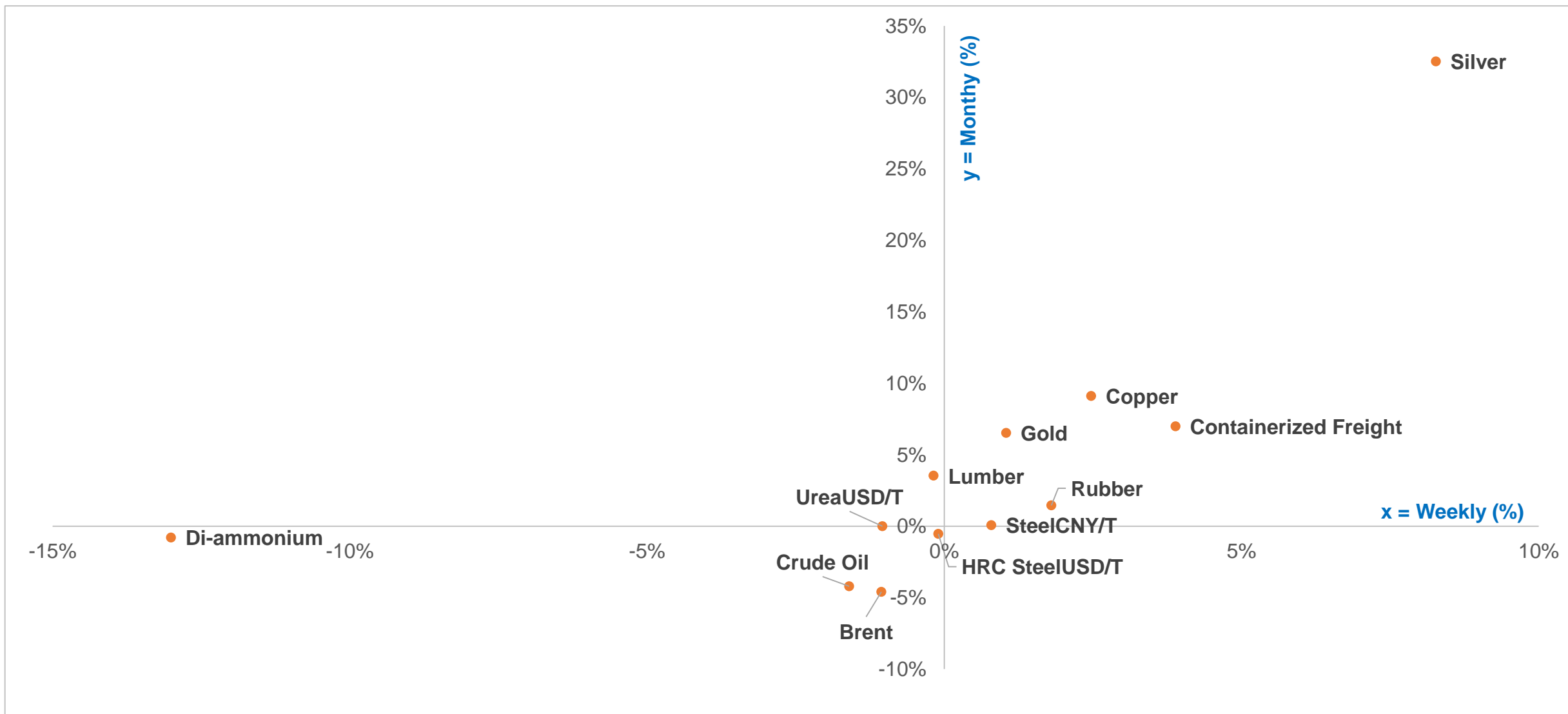
# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

## Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	1,008.39	-0.1%	3.9%	19.9%	19.4%
Dow Jones	48,134.89	-0.7%	4.1%	13.1%	12.4%
S&P 500	6,834.50	0.1%	3.5%	16.2%	15.2%
Europe	587.50	1.6%	4.5%	15.7%	17.0%
Japanese	49,507.21	-2.6%	1.8%	24.1%	27.9%
Korea	4,020.55	-3.5%	4.3%	67.6%	67.2%
China	3,890.45	0.0%	1.5%	16.1%	15.5%
HongKong	25,690.53	-1.1%	1.9%	28.1%	30.3%
Taiwan	27,468.53	-2.6%	3.9%	19.3%	22.0%
Indian	25,966.40	-0.3%	-0.4%	9.8%	10.1%
Singapore	4,569.78	-0.4%	2.3%	20.7%	22.9%
Malaysia	1,665.90	1.7%	3.0%	1.4%	4.7%
Indonesia	8,609.55	-0.6%	2.3%	21.6%	23.3%
Thailand	1,252.19	-0.2%	-0.2%	-10.6%	-8.3%
Philippine	5,920.87	-1.9%	-1.3%	-9.3%	-7.6%
Vn-Index	1,704.31	3.5%	3.0%	34.5%	35.5%
VN30	1,933.28	3.6%	1.8%	43.8%	46.7%
VN100	1,831.78	3.7%	1.6%	37.8%	40.2%
Vn Midcap	2,213.98	3.4%	-2.9%	16.5%	17.6%
VN Smallcap	1,485.72	0.8%	-2.6%	2.4%	2.6%
Brent Oil	60.47	-1.1%	-2.4%	-19.0%	-17.1%
Crude Oil WTI	56.52	-1.3%	-2.7%	-20.7%	-18.1%
Gold	4,387.30	1.4%	6.6%	66.1%	66.7%
Dollar Index	98.25	-0.2%	-1.9%	-9.3%	-8.5%

Nguồn: Update 20/12, Investing, MBS Research





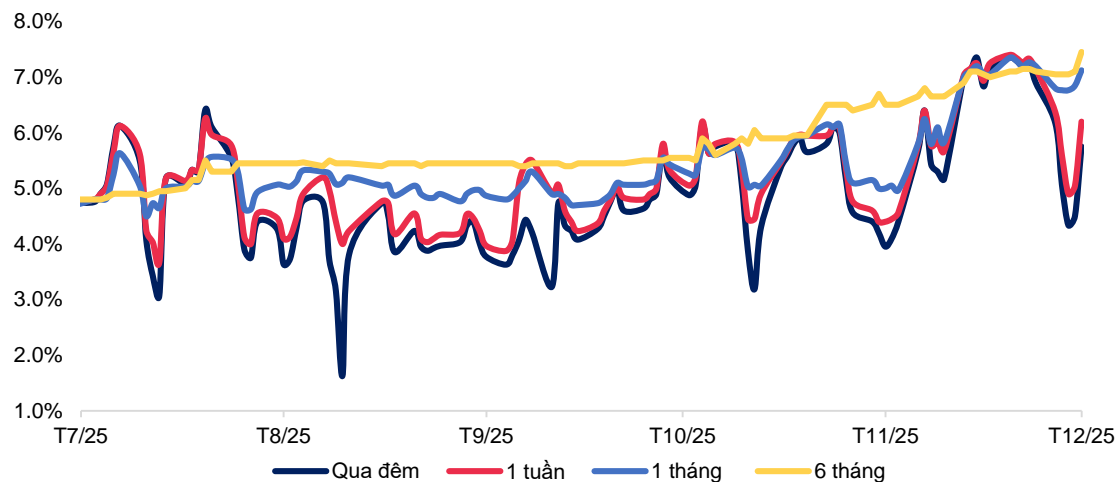
Nguồn: Update 20/12, tradingeconomics, MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

## Lãi suất

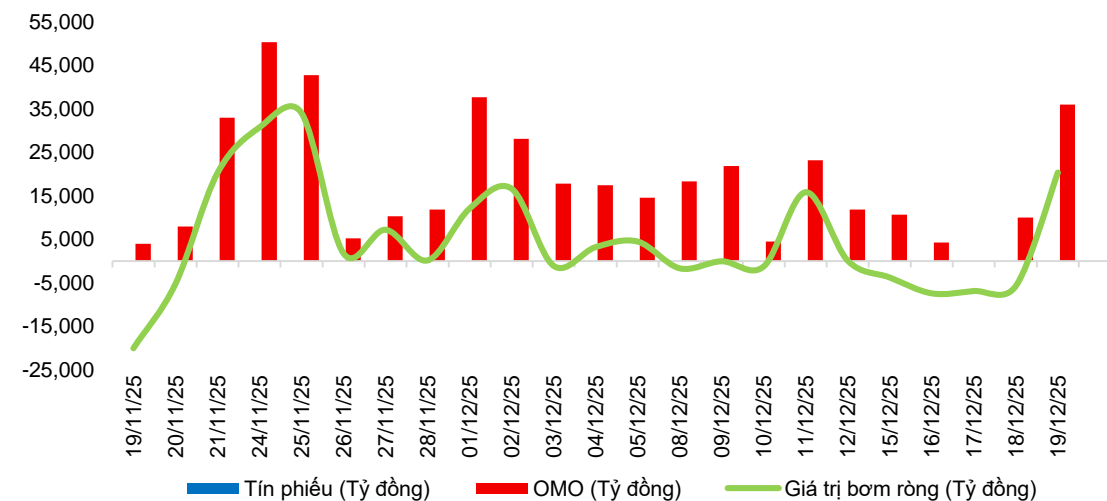
- Trong tuần 15 - 19/12, NHNN đảo chiều hút ròng gần 3.5 nghìn tỷ đồng sau ba tuần liên tiếp bơm ròng. Cụ thể, có 61 nghìn tỷ đồng trúng thầu trên kênh OMO với kỳ hạn từ 7 - 91 ngày và lãi suất 4.5%. Cùng với đó, khối lượng đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt gần 64.5 nghìn tỷ đồng. Lũy kế từ đầu T12, NHNN đã bơm ròng 44.7 nghìn tỷ đồng. Qua đó, nâng tổng lượng lưu hành trên kênh OMO lên 375.5 nghìn tỷ đồng.
- Tuần qua, lãi suất liên NH có xu hướng giảm mạnh ở các kỳ hạn ngắn. Cụ thể, lãi suất liên NH kỳ hạn qua đêm giảm sâu nhất, từ mức 6.9% ở cuối tuần trước xuống 4.3% vào ngày 17/12, tương đương mức giảm 2.6 điểm phần trăm, trước khi kết tuần tại 5.75%. Các kỳ hạn 1 tuần - 1 tháng đồng loạt giảm 0.08 - 0.95 điểm phần trăm so với cuối tuần trước, dao động quanh 6.2% - 7.1%. Ở chiều ngược lại, kỳ hạn 6 tháng duy trì xu hướng tăng đều, hiện ở mức 7.45% (+0.35 điểm phần trăm sv cuối tuần trước).

## Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

## Thị trường mở



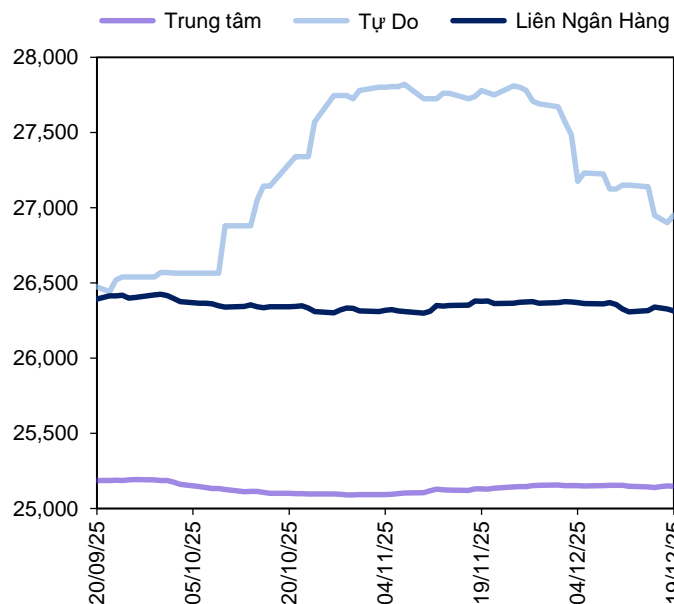
Nguồn: NHNN, MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

## Thị trường ngoại hối và trái phiếu

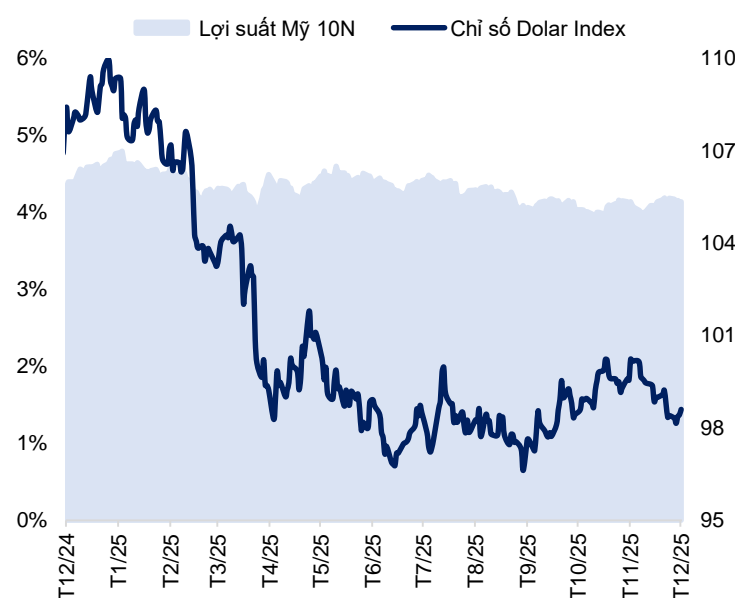
Tuần qua, chỉ số DXY diễn biến giằng co và kết tuần tại 98.59(+0.2% so với cuối tuần trước). CPI tháng 11 của Mỹ giảm xuống 2.7%, thấp nhất kể từ tháng 7 và dưới dự báo 3.1%, trong khi tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 4.6%, mức cao nhất kể từ năm 2021. Những yếu tố này mang lại cho Fed nhiều dư địa hơn để cắt giảm lãi suất trong năm 2026. Bên cạnh đó, thông tin Tổng thống Trump sắp công bố Chủ tịch Fed mới, người mà ông kỳ vọng sẽ thực hiện các đợt cắt giảm lãi suất đáng kể, tiếp tục gây áp lực lên đồng USD. Trong ngày 19/12, BoJ đã nâng lãi suất điều hành thêm 25 điểm cơ bản lên 0.75%, đánh dấu mức lãi suất cao nhất trong 30 năm qua. Trong nước, tỷ giá USD/VND liên NH tăng trong nửa đầu tuần trước khi giảm dần về mức 26,314 VND/USD (+3.4% so với đầu năm). Tỷ giá trung tâm biến động nhẹ, kết tuần đi ngang ở mức 25,148 VND/USD (+3.3% so với đầu năm). Trong khi, tỷ giá trên thị trường tự do tiếp tục lao dốc, giảm 200 đồng so với cuối tuần trước, về mức 26,950 VND/USD (+4.7% so với đầu năm).

### Tỷ giá USD/VND



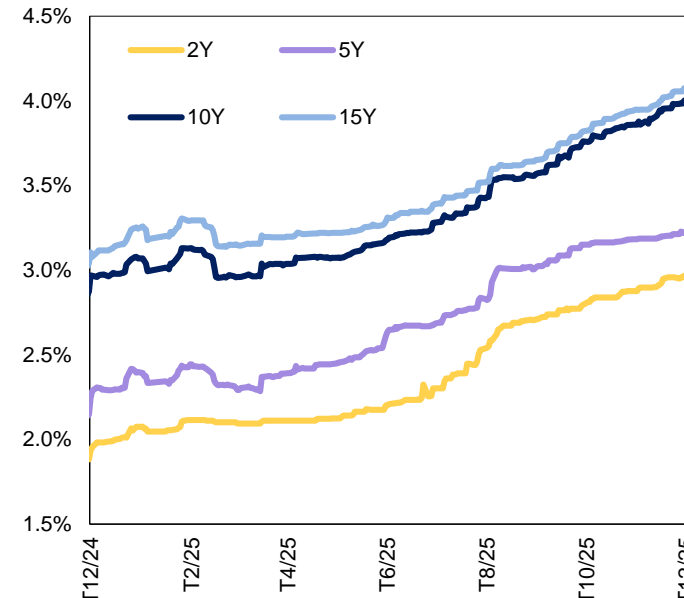
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

### Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

### Lợi suất TPCP



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

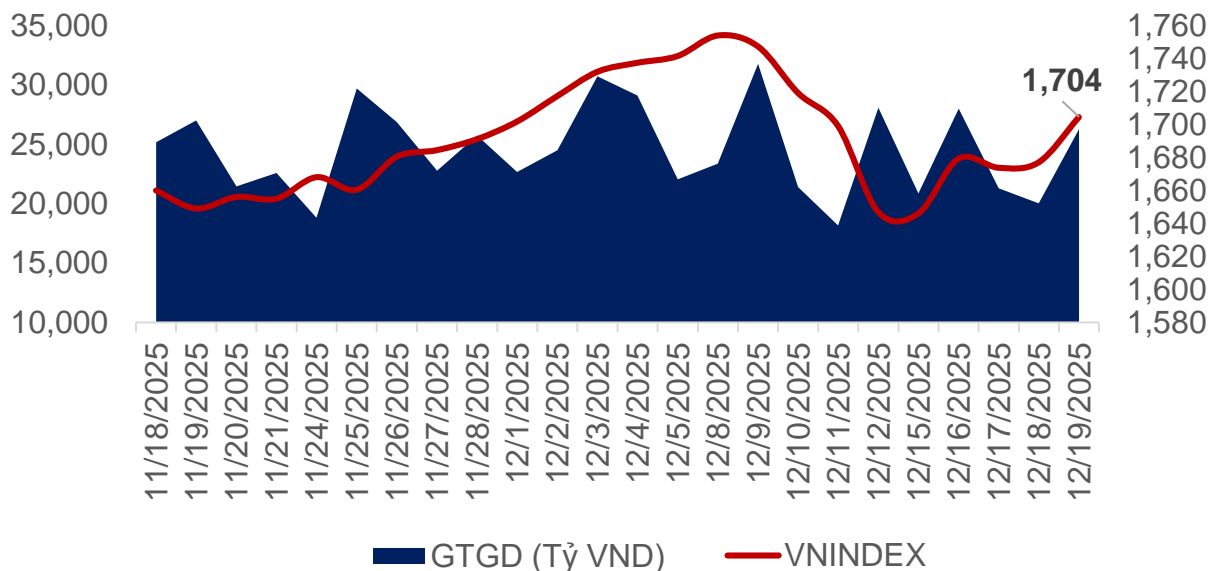
## Chỉ số Vn-Index hồi phục trở lại , lấy lại ngưỡng 1.700 điểm và ½ số điểm đã mất ở tuần giảm mạnh trước đó

Chỉ số Vn-Index phục hồi mạnh mẽ, lấy lại ½ số điểm đã mất ở tuần giảm trước đó bất chấp nền thanh khoản thấp. Chốt tuần, thị trường dừng ở 1.704,31 điểm, tăng +57,42 điểm (+3,49%) so với tuần trước. Đây là tuần có sự kiện đáo hạn phái sinh và các quỹ ETF tái cơ cấu danh mục đưa nhóm Vn30 chỉ có mức tăng mạnh nhất +3,55%, tiếp theo là nhóm Midcap (+3,35%), trong khi nhóm Smallcap chỉ có mức tăng nhẹ +0,81%. Nhóm Vingroup đóng góp +20 điểm trong tổng mức tăng +57 điểm của Vn-Index trong tuần vừa qua.

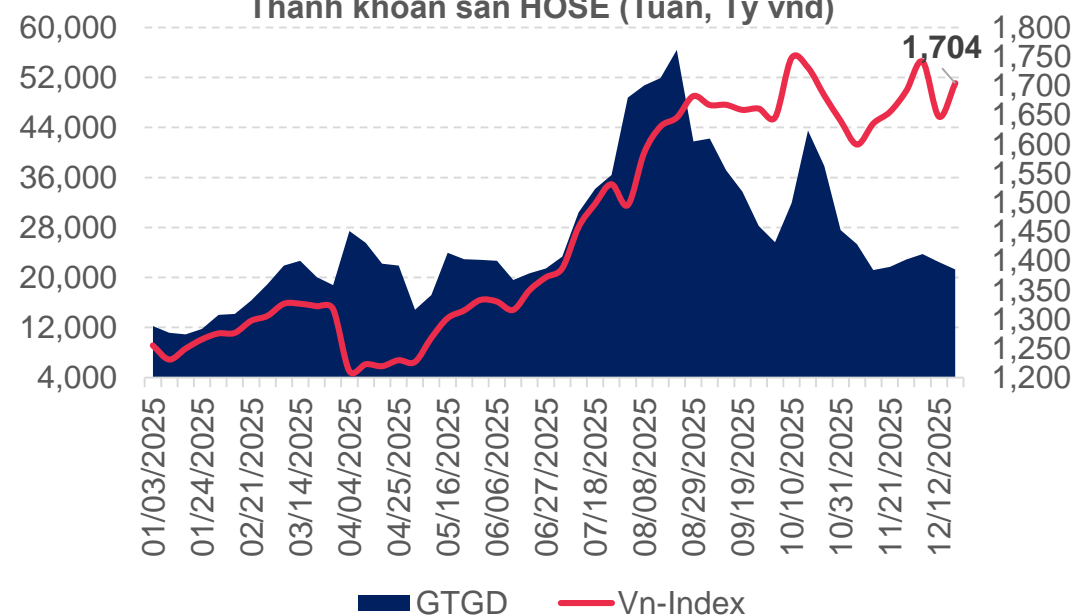
Độ rộng thị trường ghi nhận một tuần tăng trên diện rộng với các nhóm cổ phiếu nổi bật như: Dầu khí (+7,2%), Chứng khoán (+6,3%), Vingroup (+4,8%), ... trong khi nhóm cổ phiếu tiếp tục suy yếu chỉ còn: Hóa chất (-9%) chủ yếu do cổ phiếu DGC giảm -23,7%.

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua còn 23.272 tỷ đồng, giảm -5,2% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng sụt -7,9% xuống 18.977 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 12 giảm -3% so với tháng 11, nhưng vẫn cao hơn +48,6% so với cùng kỳ, đạt 24.531 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 28.782 tỷ đồng, tăng +30,4% so với mức bình quân năm 2024.

Diễn biến VN-INDEX (1 tháng)



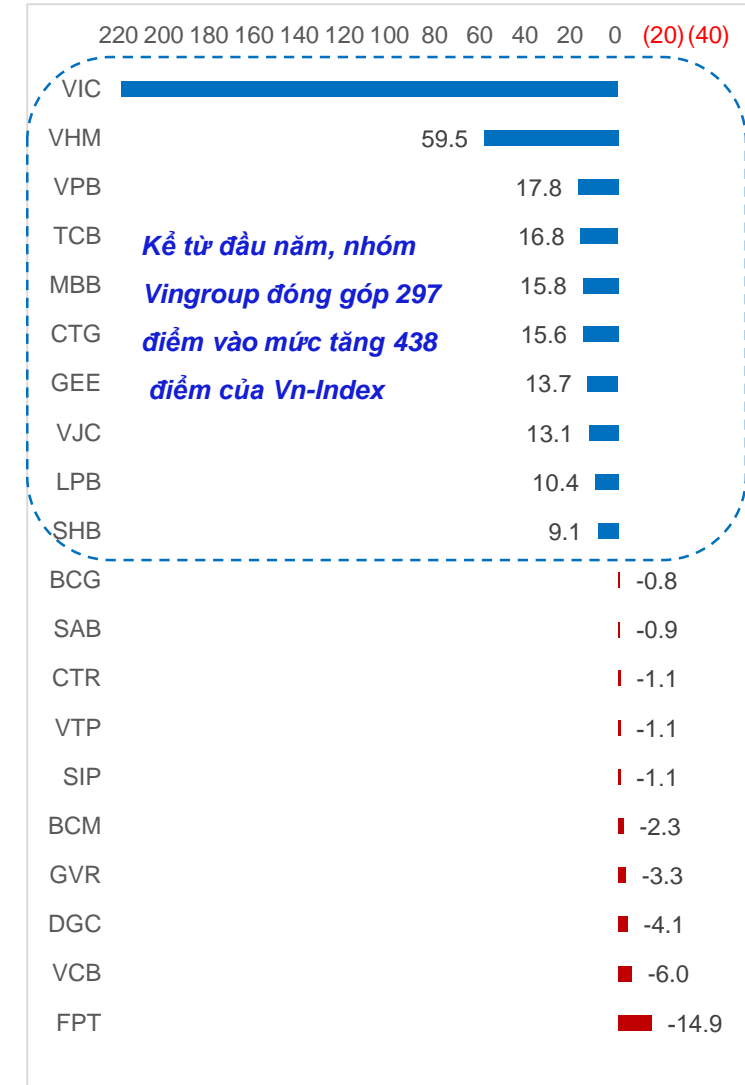
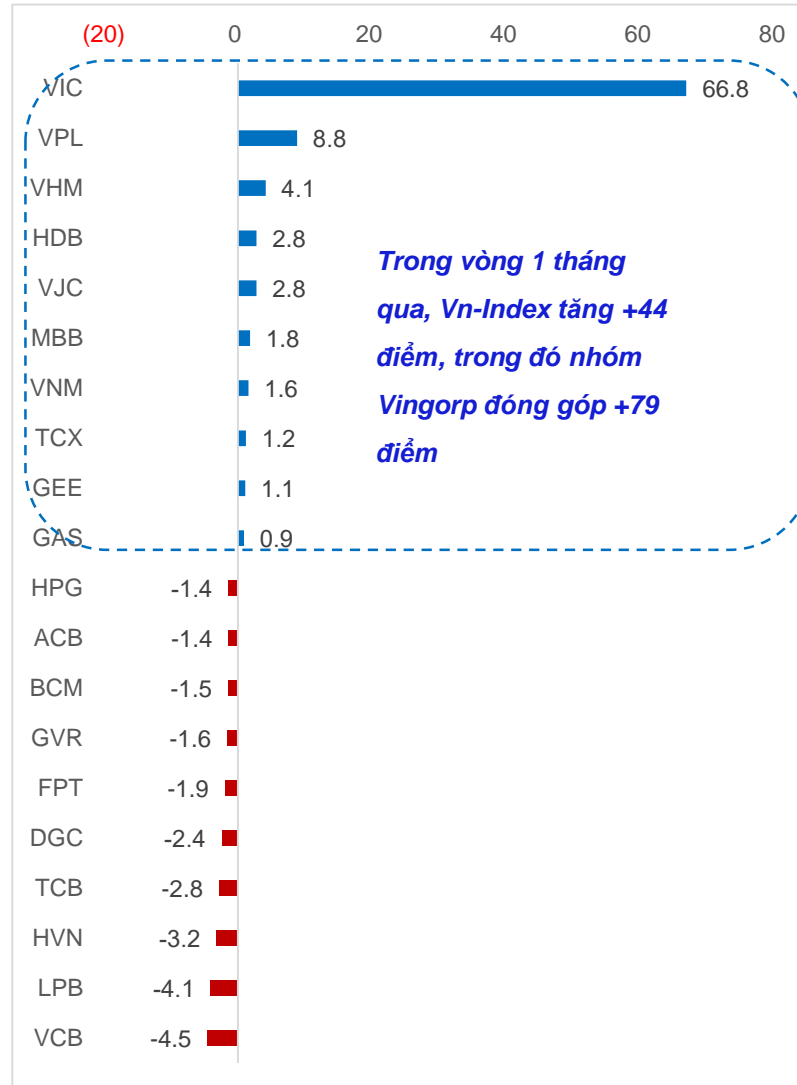
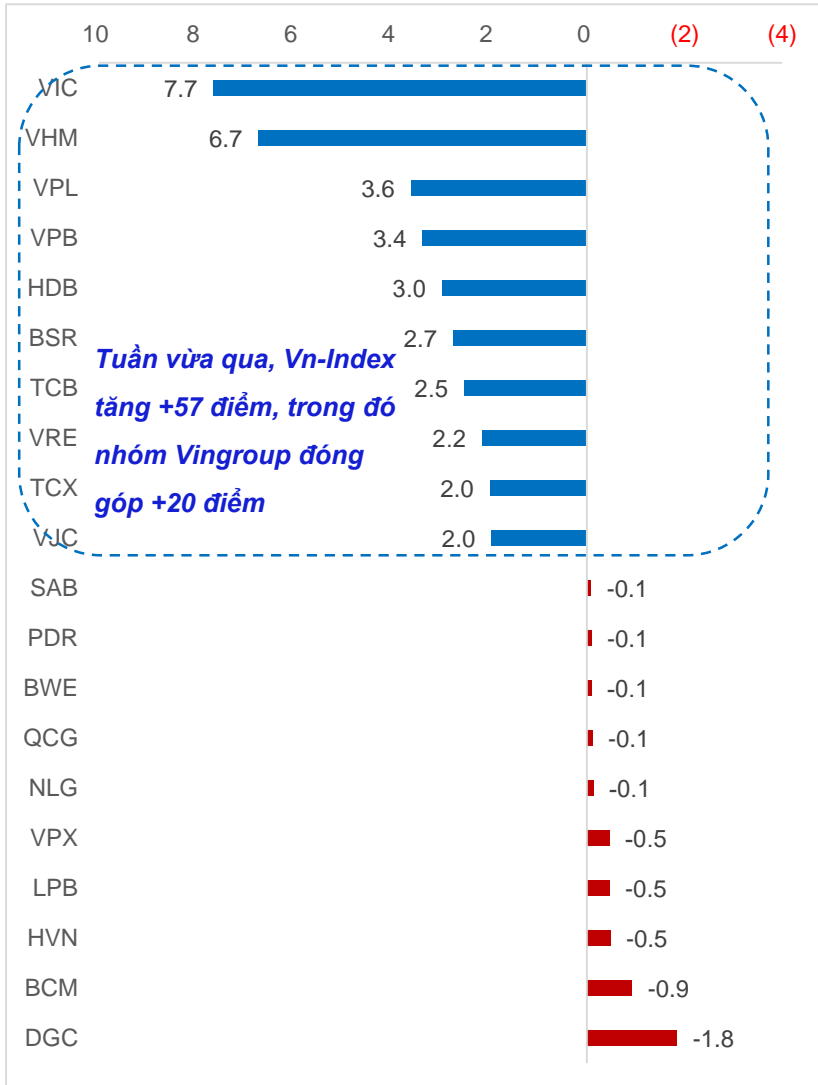
Thanh khoản sàn HOSE (Tuần, Tỷ vnd)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



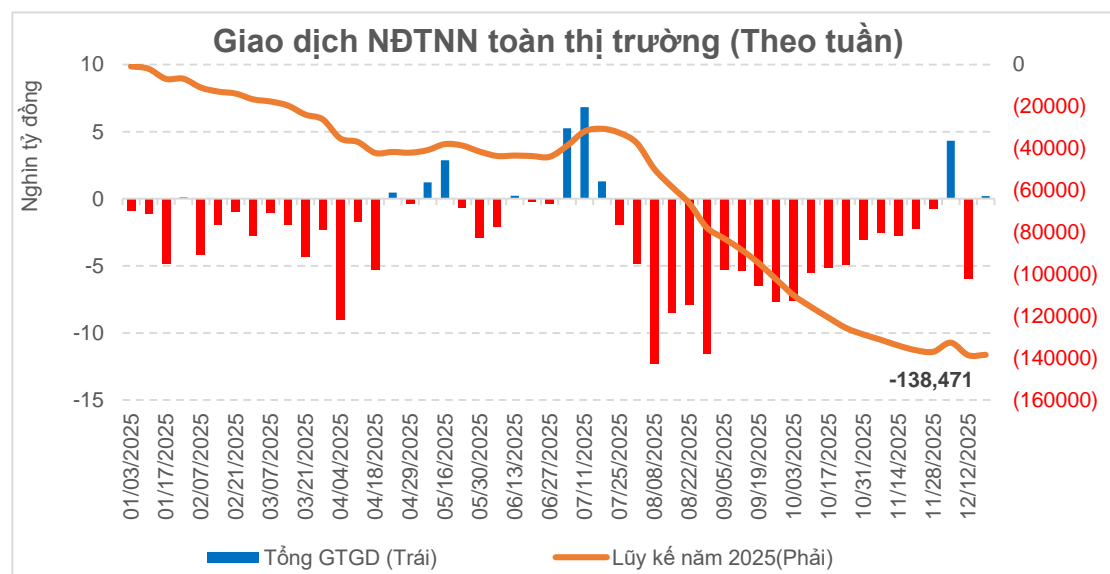
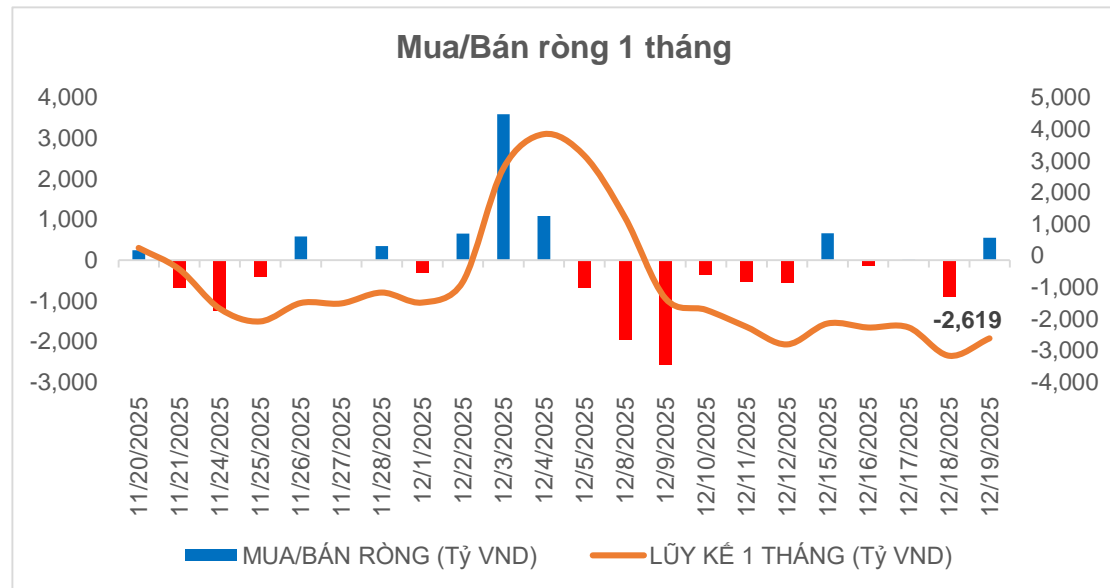
## Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại mua ròng +192 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng -138.471 tỷ đồng, vượt kỷ lục bán ròng năm ngoài (-92.600 tỷ đồng)



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
<b>Asia (11)</b>							
China	30-Sep-25			20,370	68,829	96,225	53,539
India	17-Dec-25	184	91	-1,501	-206	-17,659	-19,511
Indonesia	18-Dec-25	61	36	271	1,783	-1,525	-1,595
Japan	12-Dec-25		3,390	4,013	57,880	53,521	46,979
Malaysia	18-Dec-25	1	-90	-202	-1,120	-4,863	-5,008
Philippines	18-Dec-25	-2	-31	-190	-211	-863	-897
S. Korea	19-Dec-25	-207	-2,277	213	-5,523	-6,328	-7,054
Sri Lanka	18-Dec-25	0.2	-0.1	-5	-35	-125	-126
Taiwan	18-Dec-25	-838	-5,643	-3,545	-17,180	-9,746	-11,123
Thailand	18-Dec-25	51	38	143	-378	-3,259	-3,299
Vietnam	18-Dec-25	-34	-7	-63	-1,171	-4,896	-4,900

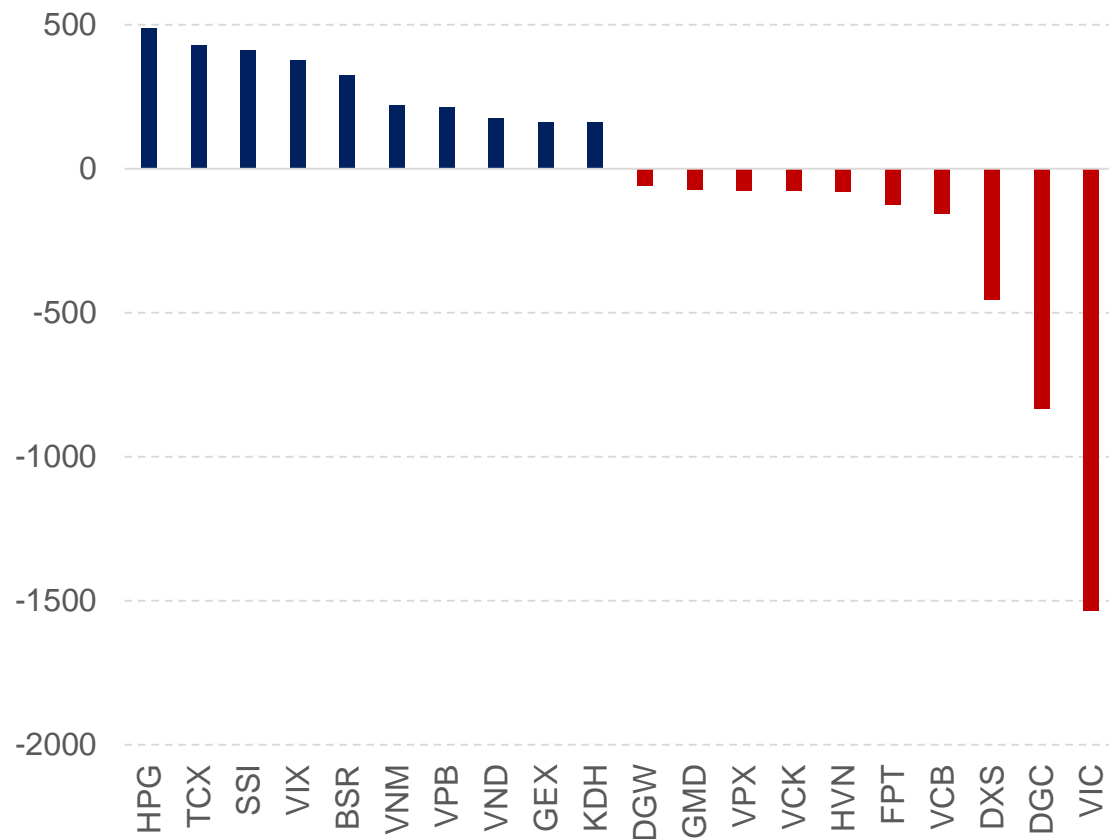
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



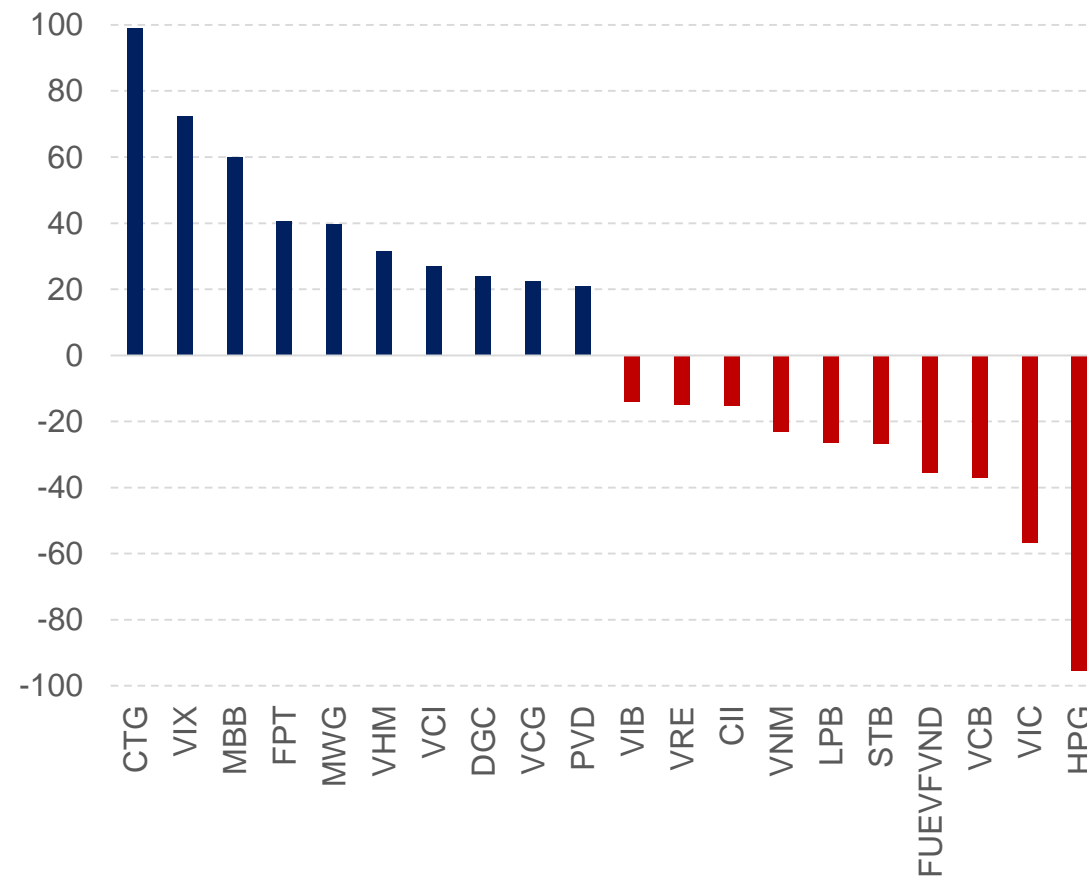
## Top cổ phiếu được khối ngoại và tự doanh Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được tự doanh ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

## Diễn biến mua/bán ròng và hiệu suất ở các quỹ ETF

	Fund Assets (M USD)	NAV Currency	NAV	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
Fubon FTSE Vietnam ETF	437.4	TWD	16.9	-0.8%	-1.0%	35.4%	-0.52	-27.04	-69.89	-349.20	-355.65
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	213.3	KRW	30,237.3	-0.8%	-0.5%	43.1%	-55.97	-55.97	-13.91	-9.96	-9.96
Premia Vietnam ETF	6.0	HKD	89.7	-0.3%	-1.3%	10.5%	0.00	0.00	-1.55	-9.13	-9.13
CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	4.7	VND	30,046.6	0.4%	-0.7%	44.7%	0.00	0.00	0.35	0.35	0.35
DCVFMVN Mid Cap ETF	12.8	VND	13,555.5	-1.0%	-2.1%	43.1%	0.00	0.00	-1.06	-3.02	-3.02
KIM Growth VN30 ETF	92.8	VND	12,804.9	0.9%	2.4%	-57.4%	0.00	0.00	-2.10	-4.06	-4.06
KIM Growth VNFINSELECT ETF	10.6	VND	16,684.7	1.5%	-1.3%	22.7%	0.00	0.00	-0.50	-4.57	-4.57
KIM Growth VN DIAMOND ETF	2.8	VND	13,798.5	-0.9%	1.0%	28.2%	0.00	0.00	0.00	-1.61	-1.61
MAFN VN30 ETF	32.7	VND	22,964.8	0.0%	-1.7%	51.8%	-0.09	0.00	-0.27	-6.05	-2.56
MAFM VNDIAMOND ETF	11.5	VND	15,627.3	-0.5%	-0.7%	44.0%	-0.75	-0.81	-1.81	-3.05	-3.65
SSIAM VN30 ETF	8.0	VND	23,628.7	0.0%	-1.9%	28.8%	-0.09	-0.09	0.36	-0.85	-0.85
SSIAM VNX50 ETF	5.3	VND	27,703.1	0.1%	-1.6%	10.2%	0.00	0.00	0.00	-1.23	-1.23
SSIAM VNFIN LEAD ETF	19.7	VND	28,916.1	-2.1%	-0.7%	38.3%	0.78	1.23	2.09	-3.18	-3.35
DCVFMVN Diamond ETF	494.5	VND	37,208.8	-0.9%	0.0%	42.9%	0.14	1.30	8.39	-33.38	-33.11
Global X MSCI Vietnam ETF	25.1	USD	23.2	-1.2%	-2.6%	54.0%	0.00	0.00	2.82	6.93	6.93
CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	10.8	USD	1.3	0.3%	-1.6%	47.0%	0.00	0.00	0.19	-14.51	-14.58
VanEck Vietnam ETF	559.6	USD	17.7	-1.7%	-4.4%	52.8%	0.00	-3.60	-17.81	-48.74	-57.56
Xtrackers Vietnam Swap UCITS ETF	348.9	EUR	32.8	-0.4%	-3.0%	37.4%	0.00	-1.00	-5.56	-36.78	-37.65
KraneShares Dragon Capital Vietnam Growth Index ETF	3.6	USD	23.7	0.0%	-0.4%	11.3%	0.00	3.74	3.74	3.74	3.74
DCVFMVN30 ETF Fund	234.8	VND	33,548.8	-0.8%	-1.7%	31.8%	-1.01	7.65	3.09	-105.71	-110.21
	<b>2,534.9</b>						<b>-57.52</b>	<b>-74.60</b>	<b>-93.43</b>	<b>-624.02</b>	<b>-641.72</b>

## Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (% tăng/giảm vs tuần trước)

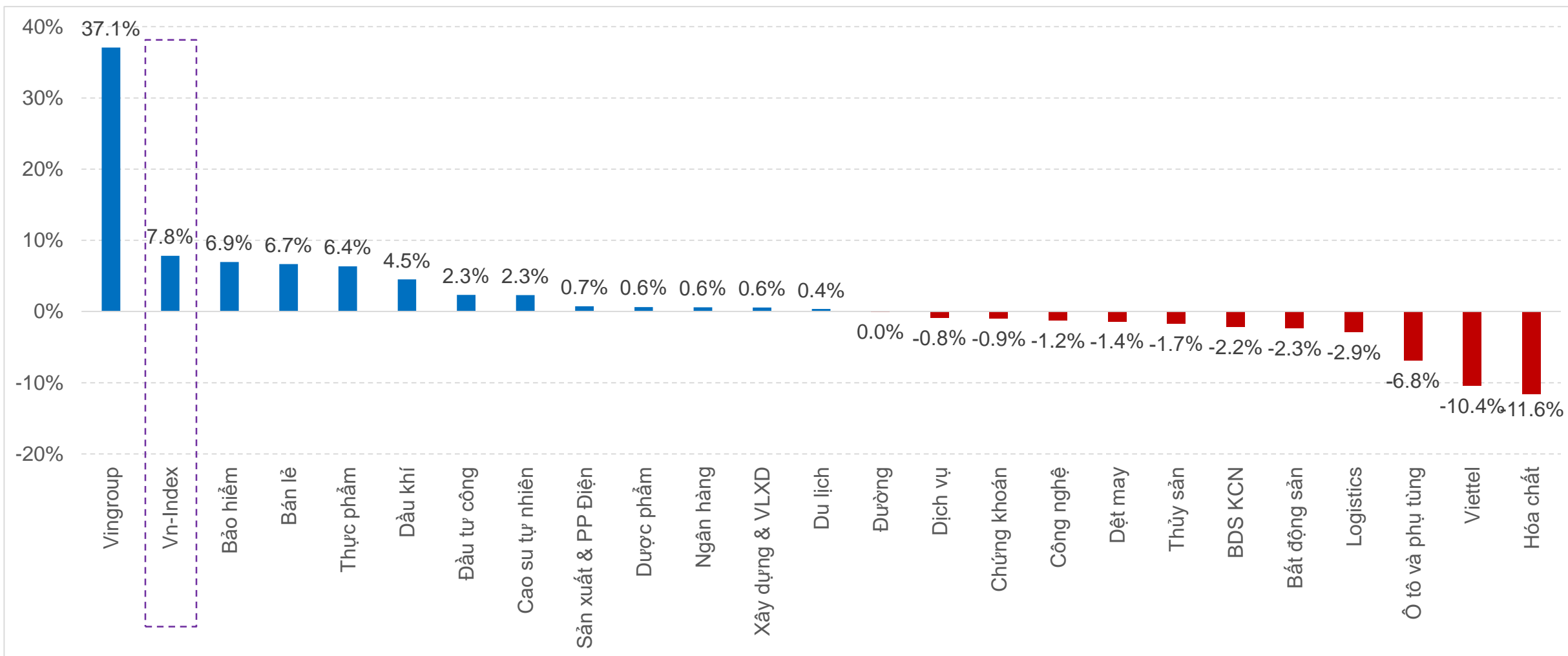
	12/19/2025	12/12/2025	12/05/2025	11/28/2025	11/21/2025
Dầu khí	53.1%	-3.7%	2.4%	-9.6%	-35.5%
Ngân hàng	-17.8%	-15.6%	38.1%	-7.0%	1.4%
Chứng khoán	2.5%	-15.1%	-8.7%	6.4%	-7.9%
Bất động sản	-6.8%	0.5%	-9.8%	-19.7%	21.2%
Dệt may	-7.5%	-11.0%	-14.2%	-29.5%	-2.6%
Bán lẻ	-14.9%	-23.3%	85.3%	-33.4%	40.3%
Vingroup	-21.2%	43.2%	-14.9%	40.0%	-12.7%
Xây dựng & VLXD	-15.3%	15.4%	23.3%	-46.3%	14.7%
Thực phẩm	-25.2%	-27.5%	49.4%	9.8%	-30.7%
Thủy sản	-36.7%	-11.3%	0.1%	-60.0%	110.7%
Logistics	-57.2%	2.1%	-10.7%	2.5%	-21.7%
Dược phẩm	4.8%	-48.5%	33.4%	64.3%	-44.5%
Sản xuất & PP Điện	-23.8%	-18.3%	25.5%	-2.7%	14.3%
Đầu tư công	-24.2%	28.3%	23.7%	-17.9%	3.7%
Hóa chất	219.4%	1.4%	-3.0%	-46.7%	15.3%
Cao su tự nhiên	-42.6%	-24.3%	-29.9%	22.8%	31.4%
Bảo hiểm	-48.5%	56.0%	39.2%	-36.8%	7.5%
Ô tô và phụ tùng	-5.2%	-5.7%	-2.5%	-50.7%	35.4%
Dịch vụ	-14.2%	-17.9%	-10.2%	38.8%	12.8%
BDS KCN	-31.8%	-0.9%	-14.9%	-11.8%	0.3%
Viettel	-20.0%	6.7%	-24.5%	-46.2%	8.5%
Du lịch	-1.0%	-46.2%	120.7%	-3.7%	10.5%
Công nghệ	-20.8%	8.9%	3.4%	-12.3%	-7.8%
Đường	-3.4%	-24.6%	-5.1%	-2.1%	-5.9%

## Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	12/19/2025	12/12/2025	12/05/2025	11/28/2025	11/21/2025
Dầu khí	4.7%	2.8%	2.7%	2.9%	3.0%
Ngân hàng	19.5%	21.7%	24.2%	19.0%	18.8%
Chứng khoán	18.3%	16.3%	18.1%	21.5%	18.6%
Bất động sản	11.6%	11.4%	10.7%	12.8%	14.7%
Dệt may	0.4%	0.4%	0.4%	0.5%	0.7%
Bán lẻ	4.3%	4.7%	5.7%	3.4%	4.6%
Vingroup	11.2%	13.0%	8.5%	10.9%	7.2%
Xây dựng & VLXD	5.5%	5.9%	4.8%	4.3%	7.3%
Thực phẩm	4.5%	5.5%	7.2%	5.2%	4.4%
Thủy sản	0.3%	0.5%	0.5%	0.5%	1.3%
Logistics	1.2%	2.5%	2.3%	2.8%	2.5%
Dược phẩm	0.2%	0.2%	0.4%	0.3%	0.2%
Sản xuất & PP Điện	1.1%	1.4%	1.6%	1.4%	1.3%
Đầu tư công	1.6%	2.0%	1.5%	1.3%	1.4%
Hóa chất	7.2%	2.1%	1.9%	2.1%	3.7%
Cao su tự nhiên	0.1%	0.2%	0.2%	0.3%	0.2%
Bảo hiểm	0.2%	0.4%	0.3%	0.2%	0.3%
Ô tô và phụ tùng	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	0.4%
Dịch vụ	2.8%	3.0%	3.5%	4.2%	2.8%
BDS KCN	1.0%	1.4%	1.3%	1.7%	1.7%
Viettel	0.5%	0.6%	0.5%	0.8%	1.3%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	3.3%	3.8%	3.3%	3.4%	3.6%
Đường	0.1%	0.1%	0.2%	0.2%	0.2%

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Chỉ số Vn-Index vẫn cao hơn đáy 1.580 điểm gần +8% (theo giá đóng cửa) nhưng vẫn còn các nhóm cổ phiếu hiện vẫn thấp hơn ngưỡng hỗ trợ này trong đó có: Chứng khoán, Bất động sản, ...



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Mức chiết khấu của nhóm cổ phiếu Ngân hàng so với mức đỉnh 52 tuần (1 năm) và mức đỉnh khi Vn-Index gần ngưỡng 1.800 điểm

STT	MCK	Giá đóng cửa (19/12)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn-Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	<b>VNINDEX</b>	<b>1704</b>	<b>-5.0</b>	<b>-5.0</b>	<b>3.5</b>	<b>3.4</b>	<b>34.5</b>
1	EIB	21.50	-32.1	-21.5	3.9	-4.4	11.4
2	NVB	13.50	-29.7	-18.7	1.5	-4.3	51.7
3	VIB	17.60	-29.0	-14.6	1.7	-5.9	5.8
4	VAB	10.70	-28.2	-13.4	0.0	-3.6	71.8
5	BVB	12.80	-27.7	-12.9	0.8	-5.2	12.2
6	VPB	28.45	-26.9	-17.9	7.2	1.3	52.2
7	SSB	17.50	-26.5	-10.0	1.2	1.7	4.5
8	BAB	12.10	-25.8	-11.7	-2.4	-3.2	9.8
9	TPB	16.85	-22.5	-12.3	3.1	-1.8	13.9
10	OCB	12.00	-22.1	-12.7	0.8	-2.8	19.8
11	VBB	10.20	-20.9	-20.9	1.0	-9.7	32.6
12	LPB	43.50	-20.5	-20.0	-1.6	-12.1	49.4
13	STB	49.00	-20.1	-20.1	6.5	-1.0	32.8
14	TCB	33.60	-20.0	-20.0	5.0	-3.5	39.9
15	ACB	23.90	-19.0	-12.1	1.7	-4.0	10.9

STT	MCK	Giá đóng cửa (19/12)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn-Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	<b>VNINDEX</b>	<b>1704</b>	<b>-5.0</b>	<b>-5.0</b>	<b>3.5</b>	<b>3.4</b>	<b>34.5</b>
16	MSB	12.70	-18.72	-7.97	2.4	4.5	30.8
17	VCB	57.50	-18.03	-10.71	1.2	-3.2	-5.1
18	SHB	16.15	-16.97	-12.47	0.9	-1.8	105.0
19	PGB	12.60	-16.56	-16.56	1.6	-1.6	14.3
20	MBB	24.70	-16.27	-11.15	2.9	5.1	51.0
21	NAB	14.50	-16.18	-4.29	2.8	-0.3	13.7
22	SGB	12.30	-15.53	-10.93	-3.0	-0.8	3.9
23	BID	37.70	-15.48	-8.15	1.9	-1.1	1.5
24	KLB	17.00	-13.71	-8.11	5.6	10.4	138.4
25	CTG	34.45	-11.15	-11.15	0.7	1.0	32.8
26	ABB	15.70	-3.09	-3.09	2.0	9.0	112.2
27	HDB	25.95	-2.02	-2.02	11.4	7.5	32.0

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Mức chiết khấu của nhóm cổ phiếu Chứng khoán và BĐS so với mức đỉnh 52 tuần (1 năm) và mức đỉnh khi Vn-Index gần ngưỡng 1.800 điểm

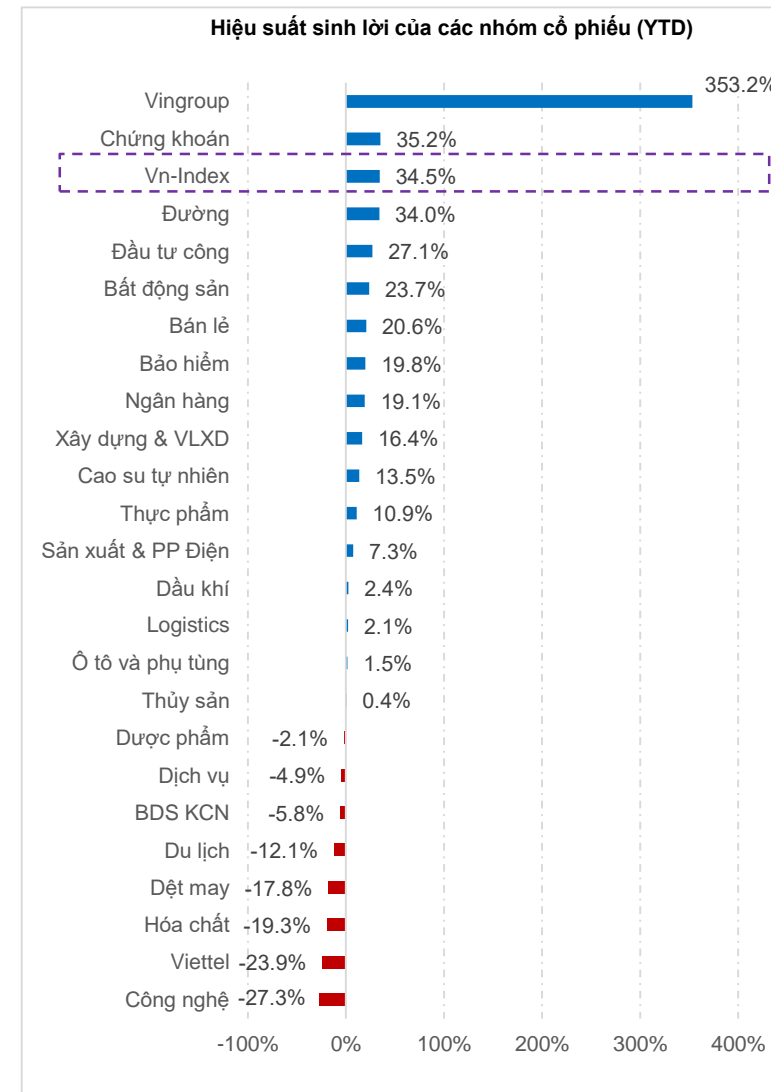
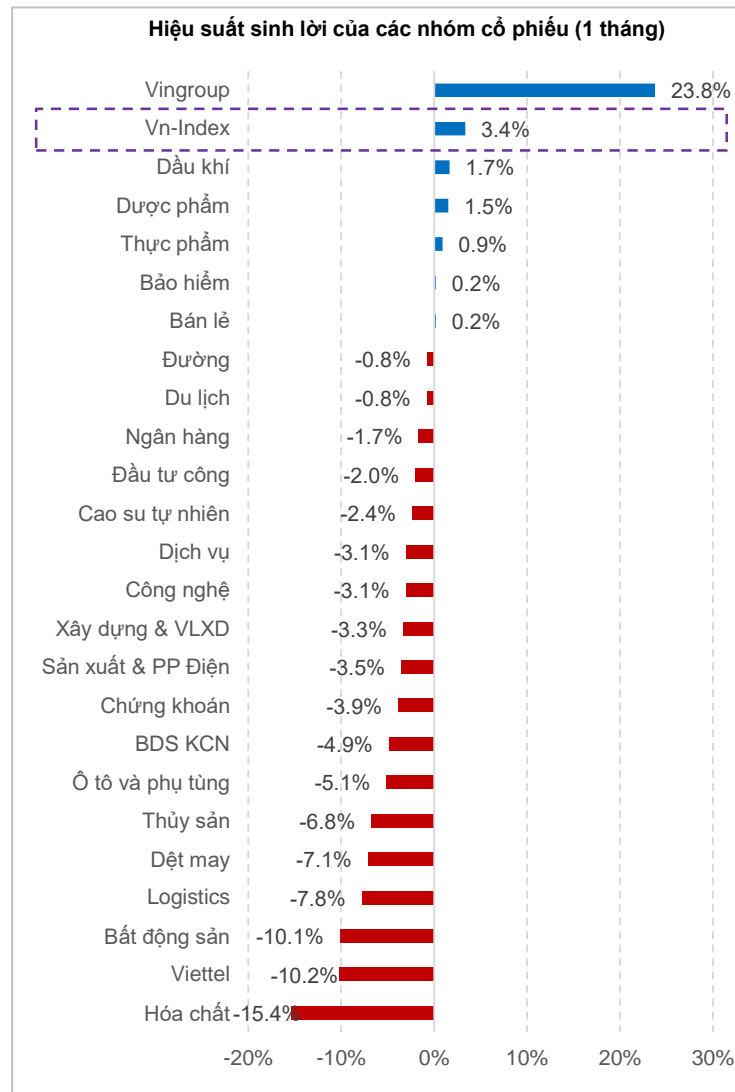
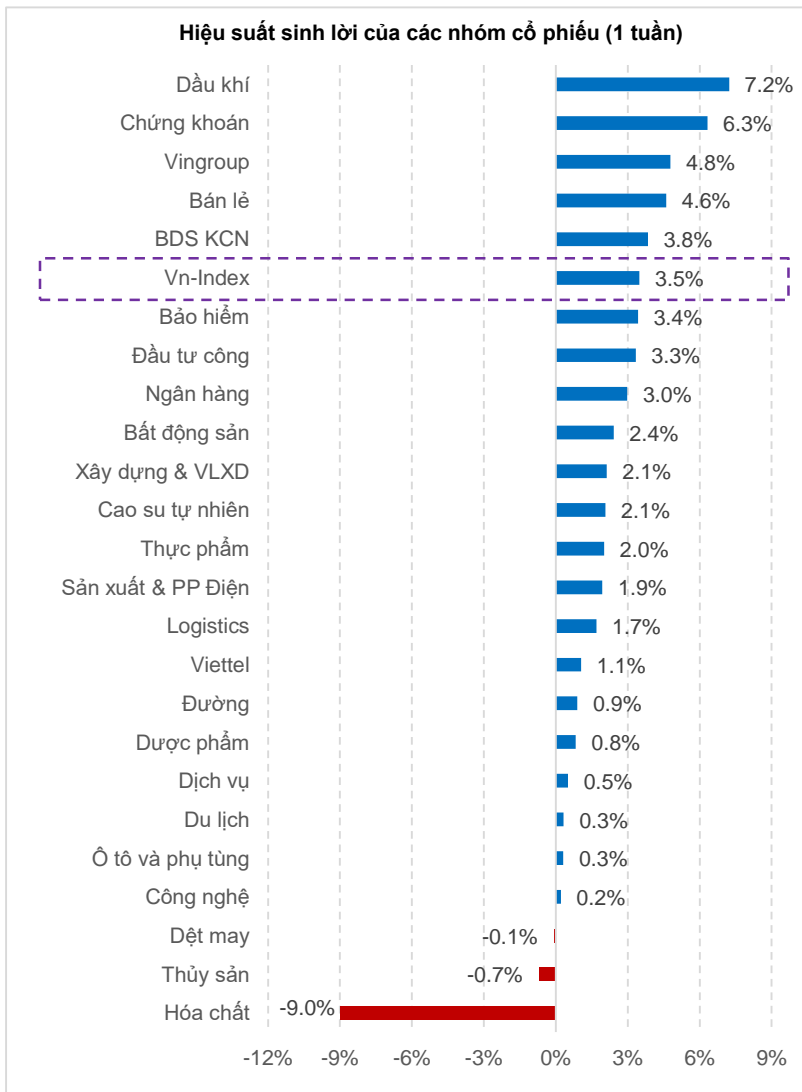
STT	MCK	Giá đóng cửa (19/12)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn-Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	<b>VNINDEX</b>	<b>1704</b>	<b>-5.0</b>	<b>-5.0</b>	<b>3.5</b>	<b>3.4</b>	<b>34.5</b>
1	VIX	22.30	-44.9	-44.9	2.3	-10.8	138.2
2	MBS	26.40	-36.2	-26.5	0.4	-11.1	5.3
3	BSI	38.40	-34.1	-17.7	3.6	-7.4	-13.1
4	TCI	9.40	-30.6	-21.0	0.8	-6.9	5.6
5	BVS	30.50	-30.6	-17.6	2.4	-7.0	-15.6
6	VCI	34.75	-29.7	-23.0	6.3	-2.9	5.4
7	TVS	15.55	-29.5	-17.1	1.0	-7.7	-13.9
8	SHS	21.30	-29.0	-24.5	4.9	-4.1	96.7
9	CTS	33.70	-28.1	-27.8	1.5	-5.5	35.9
10	VND	19.85	-27.4	-19.1	13.4	2.3	62.5
11	FTS	34.15	-27.1	-6.4	6.7	0.7	-9.8
12	HCM	23.10	-24.0	-17.7	3.4	2.0	1.7
13	SSI	30.80	-22.0	-22.0	9.6	-2.5	33.0
14	APG	10.55	-21.6	-12.1	1.0	-3.7	58.2
15	ORS	13.40	-21.2	-17.8	1.1	-5.0	-4.6
16	AGR	16.55	-20.4	-7.5	6.8	5.8	3.4
17	ABW	11.80	-15.1	-4.8	4.4	8.3	40.5

STT	MCK	Giá đóng cửa (19/12)	% giảm từ đỉnh 1 năm (52 tuần)	% giảm từ đỉnh (Vn-Index ~1.800)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)
	<b>VNINDEX</b>	<b>1704</b>	<b>-5.0</b>	<b>-5.0</b>	<b>3.5</b>	<b>3.4</b>	<b>34.5</b>
1	L14	29.00	-40.2	-22.7	0.0	-9.4	-19.9
2	HDC	24.10	-36.2	-36.2	0.4	-13.9	7.8
3	AGG	14.40	-34.8	-23.8	-0.7	-10.6	-6.5
4	SJS	58.10	-31.5	-18.5	4.7	-3.7	103.2
5	CEO	22.60	-31.3	-31.3	2.3	-10.7	79.6
6	NLG	31.70	-30.6	-21.1	-3.7	-12.7	-4.1
7	PDR	19.30	-29.0	-28.5	-2.0	-15.4	0.7
8	DIG	17.95	-28.5	-28.5	-0.6	-14.9	9.8
9	TCH	18.80	-28.4	-28.4	1.1	-13.6	43.9
10	NVL	13.85	-28.2	-18.3	3.8	-11.5	35.1
11	DXG	17.80	-27.4	-24.3	6.3	-6.6	39.4
12	IJC	10.90	-25.6	-22.4	0.9	-11.4	-4.4
13	CII	23.45	-25.2	-25.2	0.2	-10.3	96.0
14	HDG	28.20	-22.5	-22.5	0.4	-11.9	8.9
15	NTL	16.95	-20.1	-16.4	2.8	0.2	-2.0
16	KDH	32.65	-14.3	-10.4	7.1	-5.6	-0.4
17	TAL	49.00	-11.87	-11.87	7.5	10.6	155.2

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



## Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân 50 phiên lớn nhất thị trường

STT	MCK	Giá đóng cửa (19/12)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1704.31	3.5	3.4	34.5	
1	SHB	16.15	0.9	-1.8	105.0	1,243
2	VIX	22.30	2.3	-10.8	138.2	1,208
3	SSI	30.80	9.6	-2.5	33.0	1,068
4	HPG	26.70	2.7	-3.3	20.3	889
5	FPT	93.90	0.2	-3.2	-27.9	814
6	GEX	42.30	8.5	-3.4	140.6	748
7	MBB	24.70	2.9	5.1	51.0	668
8	VPB	28.45	7.2	1.3	52.2	662
9	MSN	75.80	3.1	-3.8	8.3	649
10	VHM	101.50	7.9	4.8	153.8	634
11	VIC	148.50	3.1	34.7	632.4	562
12	MWG	82.90	5.6	0.6	37.9	548
13	CII	23.45	0.2	-10.3	96.0	540
14	CEO	22.60	2.3	-10.7	79.6	500
15	TCB	33.60	5.0	-3.5	39.9	485

STT	MCK	Giá đóng cửa (19/12)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	VJC	199.90	8.1	12.3	99.9	466
17	SHS	21.30	4.9	-4.1	96.7	459
18	HDB	25.95	11.4	7.5	32.0	443
19	VRE	31.70	15.5	0.3	84.8	423
20	STB	49.00	6.5	-1.0	32.8	388
21	DXG	17.80	6.3	-6.6	39.4	379
22	VND	19.85	13.4	2.3	62.5	378
23	VCI	34.75	6.3	-2.9	5.4	352
24	PDR	19.30	-2.0	-15.4	0.7	305
25	CTG	34.45	0.7	1.0	32.8	294
26	VNM	64.00	6.3	5.1	9.3	294
27	DIG	17.95	-0.6	-14.9	9.8	285
28	DGC	70.20	-23.7	-27.3	-39.8	262
29	ACB	23.90	1.7	-4.0	10.9	260
30	HAG	18.05	5.3	2.3	49.8	255

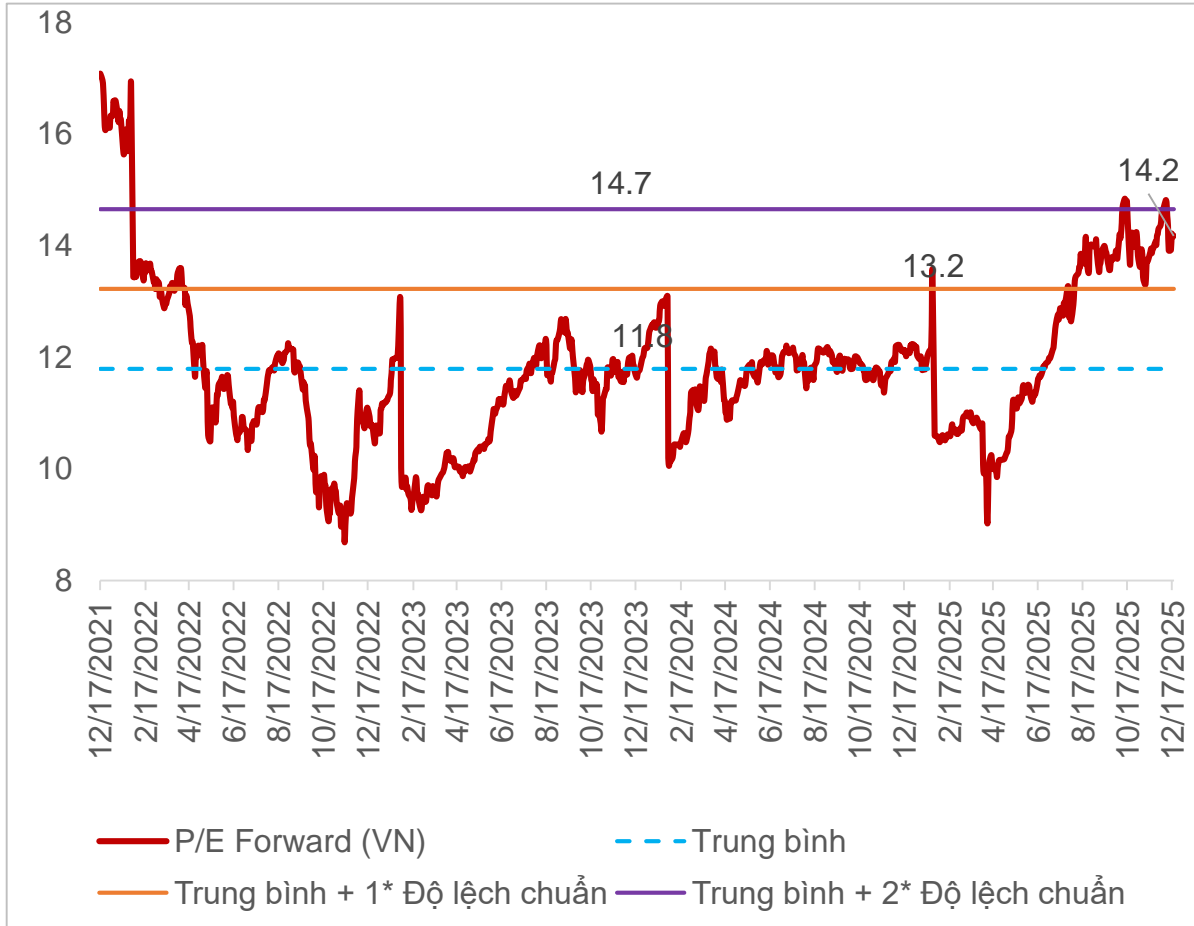
# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

Trong ngắn hạn, với biên lợi nhuận khá tích cực trong tuần hồi phục vừa qua, các nhịp rung lắc hoặc kiểm định lại vùng 1.680 điểm sẽ không đáng ngại, nhà đầu tư nên tận dụng để cơ cấu hoặc mở thêm vị thế mới. Chỉ số Vn-Index được kỳ vọng mở rộng đà tăng hướng đến khu vực 1.720 -1.740 điểm, trong khi vùng hỗ trợ ở khu vực 1.670 – 1.680 điểm



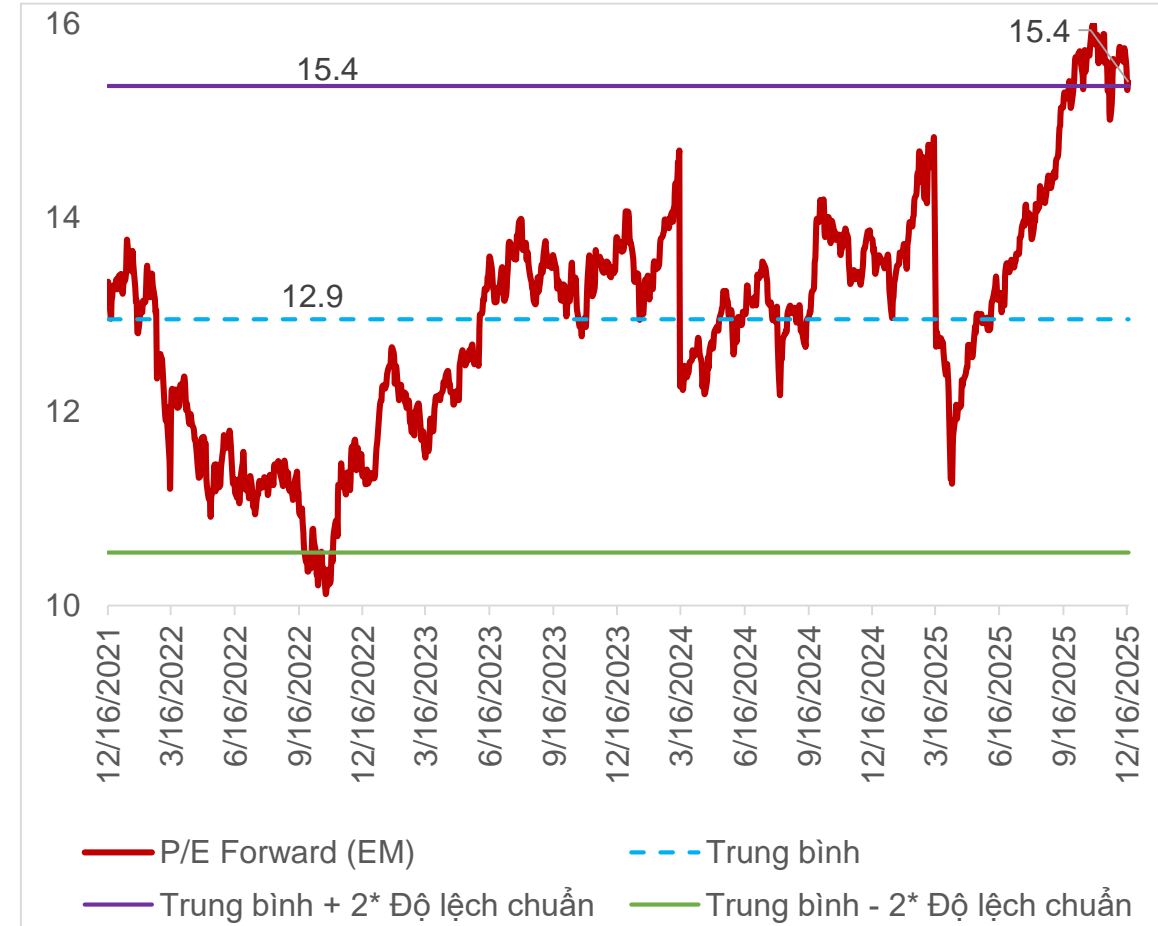
## Định giá thị trường: Hệ số P/E dự phóng của thị trường Việt Nam và thị trường mới nổi trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của TTCKVN



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hệ số P/E dự phóng (lần) trong vòng 5 năm qua của thị trường mới nổi (Emerging)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Theo yếu tố mùa vụ, tháng 12 có xác suất tăng khá cao, với 4/5 năm tăng điểm và 2 năm gần đây tăng liên tiếp

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	9.19	11.96	-1.22	-1.33	3.13	.79
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

### Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

### Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

### Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đình Hà Anh

Võ Đức Anh

### Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đình Công Luyện

### Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

### Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

### Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng